

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2025.

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức Hòa.

Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị TH, sinh ngày 01/01/1982. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã ĐN, huyện B, tỉnh Bình Phước. Số CCCD: 07182005018.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái B, sinh ngày 01/5/1977. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã ĐN, huyện B, tỉnh Bình Phước. Số CCCD: 075077012830.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị TH trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Thái B tự nguyện tìm hiểu, tiến tới quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐN, huyện B từ năm 2002. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B hay ghen

tuông, nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người khác. Năm 2021 bà và ông B xuống tỉnh Bình Dương sinh sống, bà làm công nhân cho công ty gỗ, ông B nghi ngờ bà có tình cảm với người khác, rồi chỉnh sửa hình ảnh của bà với người khác đưa lên ứng dụng Face book. Từ đó xảy ra hai bên xảy ra cãi vã, ông B đánh đập bà nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên năm 2024 ông B về xã ĐN, huyện B sinh sống, còn bà cùng con ruột Nguyễn Ngọc Ch và Nguyễn Thị Ngọc V tiếp tục sinh sống ở tỉnh Bình Dương cho đến nay. Trong thời gian ly thân các bên không hàn gắn được tình cảm, mâu thuẫn càng trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Bà và ông B có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 2003; Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 2007 và Nguyễn Thị Ngọc V1, sinh năm 2012. Bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con Nguyễn Thị Ngọc V và Nguyễn Thị Ngọc V1, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với con ruột Nguyễn Ngọc Ch đã thành niên, không bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung. Do bà ở xa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời không tiến hành các thủ tục hòa giải. Bà không có ý kiến về tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ và không đề nghị Tòa án thu thập gì thêm.

**** Bị đơn ông Nguyễn Thái B quá trình giải quyết vụ án trình bày:***

Ông xác nhận về quan hệ hôn nhân giữa hai bên theo như lời trình bày của bà Phạm Thị TH là đúng; Xác nhận có xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân do bà TH có tình cảm với người khác, nhưng ông khẳng định không có hành vi đánh đập bà TH. Hai bên đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ lâu không thể hàn gắn. Vì vậy, ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà TH.

Ông xác nhận ông và bà TH có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 2003; Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 2007 và Nguyễn Thị Ngọc V1, sinh năm 2012. Ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc V1 do còn nhỏ, không yêu cầu bà TH cấp dưỡng. Đối với cháu Ch và cháu V đã lớn ông không yêu cầu được nuôi trực tiếp. Hiện nay ông có nhà ở riêng, công việc của ông là làm thuê, thu nhập bình quân một tháng khoảng 9.000.000 đồng. Từ năm 2021 cho đến nay cháu V1 thường xuyên ở với cha mẹ ruột của bà TH cách nhà của ông khoảng 05 mét. Buổi tối sau khi ăn cơm xong cháu V1 thường qua nhà cha mẹ ruột của bà TH ngủ, còn bà TH vẫn làm ở Bình Dương cùng với cháu V.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung. Xin được giải quyết vắng mặt theo quy định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cho mỗi bên nuôi dưỡng 01 con trên cơ sở nguyện vọng con; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về yêu cầu ly hôn: Các bên tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã ĐN cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 20/3/2002. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000, hiện nay là Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Các bên xác nhận trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân do không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình, thiếu sự tin tưởng, thông cảm, nghi ngờ một bên có quan hệ tình cảm với người khác. Các bên đã sống ly thân trong một thời gian dài và hiện nay đều có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

- Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai các đương sự thể hiện có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Ch, sinh ngày 23/5/2003; Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 17/8/2007 và Nguyễn Thị Ngọc V1, sinh ngày 29/9/2012.

Hội đồng xét xử nhận thấy các bên có tranh chấp quyền nuôi con đối với con chung Nguyễn Thị Ngọc V1. Căn cứ lời khai của các bên và con chung thể hiện con chung Nguyễn Thị Ngọc V đang sống với bà TH và có nguyện vọng ở với bà TH; con chung Nguyễn Thị Ngọc V1 sống với ông B và có nguyện vọng tiếp tục ở tại nơi ở như hiện nay cùng ông B. Các bên đều có điều kiện nuôi dưỡng như nhau. Vì vậy, cần tôn trọng nguyện vọng của các con chung, giao cho mỗi bên nuôi dưỡng 01 con là phù hợp với tình hình thực tế hiện nay các bên đang sinh sống.

Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Ngọc Ch, sinh ngày 23/5/2003 đã thành niên, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Bà Phạm Thị TH được ly hôn với ông Nguyễn Thái B.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10 ngày 20/3/2002 của Ủy ban nhân dân xã ĐN, huyện B, tỉnh Bình Phước)

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 17/8/2007 cho bà Phạm Thị TH trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc V1, sinh ngày 29/9/2012 ông Nguyễn Thái B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Phạm Thị TH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009490 ngày 27/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã ĐN;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

(Số lượng: 10 bản)

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình